

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ YÊN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Yên Trị, Ngày 28 tháng 05 năm 2025

**BIÊN BẢN KẾT THÚC CÔNG KHAI  
BÁO CÁO THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**

Hôm nay, vào lúc 16h ngày 28 tháng 05 năm 2025 tại phòng một của UBND xã Yên Trị, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

**Thành phần gồm:**

- |                             |                                          |
|-----------------------------|------------------------------------------|
| 1/ Ông: Vũ Xuân Thiết       | - Chức vụ: CT UBND xã Yên Trị            |
| 2/ Bà: Nguyễn Thị Lan Hương | - Chức vụ: Công chức Tài chính – kế toán |
| 3/ Ông: Vũ Đình Khiết       | - Chức vụ: CC Văn phòng UBND – HĐND      |

**Nội dung: Kết thúc công khai báo cáo thu, chi ngân sách xã năm 2024 tại UBND xã Yên Trị.**

Căn cứ thông báo số 13 / TB – UBND ngày 28/04/2025 của UBND xã Yên Trị về việc báo cáo thu, chi ngân sách xã năm 2024

- Thời gian công khai: Bắt đầu từ 14h ngày 28/04/2025 kết thúc lúc 15h ngày 28/05/2025

Đến nay đã hết thời gian công khai báo cáo thu, chi ngân sách xã năm 2024 tại UBND xã Yên Trị. Trong quá trình công khai không có ý kiến, kiến nghị thắc mắc gì.

Nay chúng tôi lập biên bản kết thúc công khai, để kết thúc việc công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 tại UBND xã Yên Trị

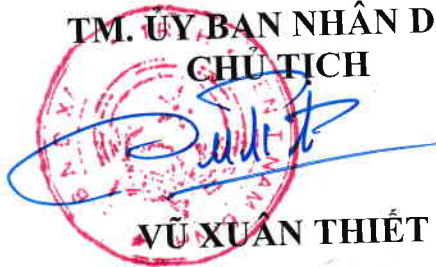
Biên bản kết thúc lúc 16h30 phút cùng ngày, được thông qua cho các thành viên tham gia cùng nghe và thống nhất nội dung biên bản.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



VŨ XUÂN THIẾT

CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG UBND – HĐND



VŨ ĐÌNH KHIẾT

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ YÊN TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 95 / QĐ-UBND

Yên Trị, Ngày 28 tháng 04 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai thu, chi ngân sách xã năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN TRỊ**

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025; Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2023/NQ – HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND xã Yên Trị về việc quyết định phê chuẩn dự toán ngân sách xã năm 2024

Xét đề nghị của công chức tài chính – kế toán xã Yên Trị

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã Yên Trị năm 2024 (có biểu kèm theo)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Văn phòng UBND xã Yên Trị, công chức tài chính – kế toán, các phòng ban chuyên môn, ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội tổ chức thực hiện quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 2
- Lưu VP, TC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**

  
**Vũ Xuân Thiết**

ỦY BAN NHÂN DÂN

**XÃ YÊN TRỊ**

Số: 43/TB – UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Yên Trị, ngày 28 tháng 04 năm 2025

## **THÔNG BÁO**

**V/v Công khai báo cáo thu, chi ngân sách xã năm 2024**

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND xã Yên Trị thông báo công khai báo cáo thu, chi ngân sách xã năm 2024

tại UBND xã Yên Trị ( Kèm theo dự toán)

**Hình thức công khai:** Trên hệ thống phát thanh xã và niêm yết tại trụ sở xã.

**Thời gian công khai:** Bắt đầu từ ngày 28/04/2025 đến ngày 28/05/2025

UBND xã Yên Trị thông báo để các bộ phận chuyên môn, ban ngành liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Đài PT xã
- Lưu VP, TC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

  
**VŨ XUÂN THIẾT**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ YÊN TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Yên Trị, Ngày 28 tháng 04 năm 2025*

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI  
Báo cáo thu ,chi ngân sách xã năm 2024 tại UBND xã Yên Trị**

*Hôm nay, vào lúc 9h ngày 28 tháng 04 năm 2025 tại phòng một cửa UBND xã Yên Trị, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.*

**Thành phần gồm:**

- |                             |                                          |
|-----------------------------|------------------------------------------|
| 1/ Ông: Vũ Xuân Thiết       | - Chức vụ: CT UBND xã Yên Trị            |
| 2/ Bà: Nguyễn Thị Lan Hương | - Chức vụ: Công chức Tài chính – kế toán |
| 3/ Ông: Vũ Đình Khiết       | - Chức vụ: CC Văn phòng UBND – HĐND      |

Cùng tiến hành lập biên bản niêm yết công khai dự toán thu chi ngân sách xã năm 2025 tại UBND xã Yên Trị theo thông báo số 13 / TB-UBND ngày 28/04/2025 của UBND xã Yên Trị.

- Nội dung công khai: Báo cáo thu ,chi ngân sách xã năm 2024 tại UBND xã Yên Trị

- Thời gian công khai: Bắt đầu từ 09h ngày 28/04/2025 kết thúc lúc 15h ngày 28/05/2025

- Địa điểm công khai: Tại phòng một cửa UBND xã Yên Trị

Nay UBND xã lập biên bản báo cáo thu ,chi ngân sách xã năm 2024 tại UBND xã Yên Trị để cho cán bộ và nhân dân xã Yên Trị được biết.

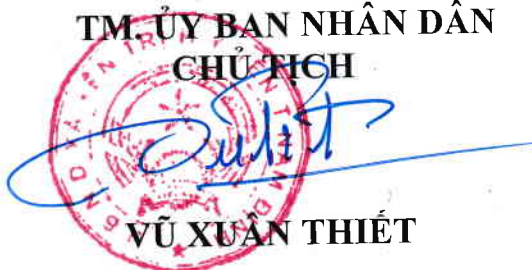
Biên bản kết thúc lúc 10h cùng ngày, được thông qua cho các thành viên tham gia cùng nghe và thống nhất nội dung biên bản.

**NGƯỜI LẬP**



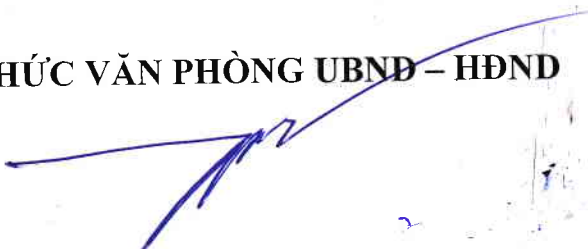
**NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**VŨ XUÂN THIẾT**

**CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG UBND – HĐND**



**VŨ ĐÌNH KHIẾT**

**BÁO CÁO  
THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024 CỦA XÃ YÊN TRỊ**

**/ Phần thu**

| TT          | Mục                                          | DT thu năm 2024      | Năm 2024              | tỉ lệ      |
|-------------|----------------------------------------------|----------------------|-----------------------|------------|
| <b>I.</b>   | <b>Thu tại xã</b>                            | <b>230.000.000</b>   | <b>188.455.525</b>    | <b>82</b>  |
|             | <b>Trong đó:</b>                             |                      |                       |            |
| 1           | Thu thầu đất công ích( 3901)                 | 80.000.000           | 43.571.525            | 54         |
| 2           | Thu lệ phí UB(2716)                          | 25.000.000           | 25.775.000            | 103        |
| 3           | Thu lệ phí đồ, phí chợ(4900)                 | 35.000.000           | 42.000.000            | 120        |
| 4           | Thu khác(4250)                               | 90.000.000           | 77.109.000            | 86         |
| <b>II.</b>  | <b>Điều tiết tại kho bạc</b>                 | <b>347.000.000</b>   | <b>1.123.357.798</b>  | <b>324</b> |
|             | <b>Trong đó:</b>                             |                      |                       |            |
| 1           | Phí môn bài(2850)                            | 8.000.000            | 6.200.000             | 78         |
| 2           | Thuế ngoài quốc doanh(1700)                  | 45.300.000           | 365.386.510           | 807        |
| 3           | Thuế SD đất phi nông nghiệp(1600)            | 47.700.000           | 65.050.712            | 136        |
| 4           | Lệ phí Trước bạ(2801)                        | 29.000.000           | 157.472.895           | 543        |
| 5           | Thuê đất của tỉnh(3600)                      | 27.000.000           | 47.522.354            | 176        |
| 6           | Thuế thu nhập cá nhân(1000)                  | 190.000.000          | 481.725.327           | 254        |
| <b>III.</b> | <b>Chợ cấp ngân sách</b>                     | <b>6.207.000.000</b> | <b>6.169.000.000</b>  | <b>99</b>  |
| <b>IV</b>   | <b>Thu từ chuyển quyền sử dụng đất(1400)</b> | <b>1.500.000.000</b> | <b>6.570.217.620</b>  | <b>438</b> |
|             | <b>Thu bổ sung có mục tiêu</b>               |                      | <b>1.498.881.000</b>  |            |
|             | <b>Thu chuyển nguồn từ 2024 sang 2025</b>    |                      | <b>1.176.282.937</b>  |            |
|             | <b>Cộng</b>                                  | <b>8.284.000.000</b> | <b>16.726.194.880</b> | <b>202</b> |

Số tiền bằng chữ: Mười sáu tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu một trăm chín mươi tư nghìn tám trăm tám mươi đồng chẵn

**I/ Phần chi**

| STT      | Ban ngành   | Dự Toán 2024       | Năm 2024           | Tỉ lệ (%)  |
|----------|-------------|--------------------|--------------------|------------|
| <b>1</b> | <b>HĐND</b> | <b>185.250.000</b> | <b>202.927.400</b> | <b>110</b> |

|                          |                                                                                                         |                      |                      |            |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|------------|
|                          | <b>Trong đó:</b>                                                                                        |                      |                      |            |
|                          | + Phụ cấp ĐBHDND (24 người) + BHYT                                                                      | 155.250.000          | 172.967.400          | 111        |
|                          | + Chi hoạt động HDND ( HD 28tr, lễ tết 2tr)                                                             | 30.000.000           | 29.960.000           | 100        |
| <b>2 UBND</b>            |                                                                                                         | <b>2.514.027.000</b> | <b>3.016.673.084</b> | <b>120</b> |
|                          | <b>Trong đó:</b>                                                                                        |                      |                      |            |
|                          | + Lương chức danh và các phụ cấp                                                                        | 916.270.000          | 1.156.825.630        | 126        |
|                          | + PC các đối tượng bán chuyên trách, trưởng thôn, Công hợp đồng                                         | 787.224.000          | 886.196.700          | 113        |
|                          | + BHXH + BHYT + KPCĐ                                                                                    | 306.145.000          | 202.800.654          | 66         |
|                          | + Chi hoạt động + công đoàn(8tr)                                                                        | 504.388.000          | 770.850.100          | 153        |
| <b>3 Đào tạo</b>         |                                                                                                         | <b>15.000.000</b>    | <b>3.200.000</b>     | <b>21</b>  |
| <b>4 Đảng uỷ</b>         |                                                                                                         | <b>857.072.000</b>   | <b>1.111.156.034</b> | <b>130</b> |
|                          | <b>Trong đó:</b>                                                                                        |                      |                      |            |
|                          | + Lương chức danh ( 3 người )                                                                           | 186.820.000          | 355.389.898          | 190        |
|                          | + Phụ cấp ( BTCB+ BCHĐU+PCNUBKT, PBTG ĐU tổng 26 người )                                                | 575.856.000          | 649.691.600          | 113        |
|                          | BHXH+ BHYT+ KPCĐ                                                                                        | 54.396.000           | 66.074.536           | 121        |
|                          | + Chi hoạt động ( HD+ lễ tết 40tr )                                                                     | 40.000.000           | 40.000.000           | 100        |
| <b>5 Đoàn thanh niên</b> |                                                                                                         | <b>201.524.000</b>   | <b>244.883.580</b>   | <b>122</b> |
|                          | <b>Trong đó:</b>                                                                                        |                      |                      |            |
|                          | + Lương                                                                                                 | 56.648.000           | 87.561.000           | 155        |
|                          | + Phụ cấp (11 người )                                                                                   | 83.160.000           | 97.993.800           | 118        |
|                          | + BHXH +BHYT + KPCĐ ( 32%)                                                                              | 21.216.000           | 19.983.780           | 94         |
|                          | + Chi hoạt động (Trong đó chi HD + lễ tết =16tr, rằm trung thu 15; tết thiếu nhi 2,5; Đại hội LHTN 7tr) | 40.500.000           | 39.345.000           | 97         |

|           |                                                                                    |             |             |     |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-----|
| Bi phụ nữ |                                                                                    | 185.933.000 | 227.924.900 | 123 |
| Trong đó: |                                                                                    |             |             |     |
|           | + Lương                                                                            | 63.277.000  | 96.446.700  | 152 |
|           | + Phụ cấp các đối tượng 11 người                                                   | 83.160.000  | 97.993.800  | 118 |
|           | + BHXH + BHYT + KPCĐ ( 32%)                                                        | 23.496.000  | 18.284.400  | 78  |
|           | + Chi hoạt động ( HĐ+ lễ tết : 16tr)                                               | 16.000.000  | 15.200.000  | 95  |
| 7         | Hội CCB                                                                            | 160.188.000 | 171.690.700 | 107 |
| Trong đó: |                                                                                    |             |             |     |
|           | + Lương                                                                            | 51.300.000  | 54.337.500  | 106 |
|           | + Phụ cấp các đối tượng 11 người                                                   | 84.888.000  | 92.653.200  | 109 |
|           | + Chi hoạt động hội CCB +lễ tết ( CCB+ĐH 21tr; CQN 2tr, Hội bộ đội trường sơn 1tr) | 24.000.000  | 24.700.000  | 103 |
| 8         | Hội Nông dân                                                                       | 168.115.000 | 213.626.651 | 127 |
| Trong đó: |                                                                                    |             |             |     |
|           | + Lương                                                                            | 50.019.000  | 78.749.691  | 157 |
|           | + Phụ cấp ( 11 người )                                                             | 83.160.000  | 97.993.800  | 118 |
|           | + BHXH + BHYT + KPCĐ 2 người                                                       | 18.936.000  | 21.683.160  | 115 |
|           | + Chi hoạt động ( HĐ + lễ tết:16tr)                                                | 16.000.000  | 15.200.000  | 95  |
| 9         | Mặt trận tổ quốc                                                                   | 483.791.000 | 332.352.800 | 69  |
| Trong đó: |                                                                                    |             |             |     |
|           | + Lương                                                                            | 65.487.000  | 34.030.800  | 52  |
|           | + Phụ cấp ( 11 người )( Mt+phó )                                                   | 339.768.000 | 245.322.000 | 72  |
|           | + BHXH + BHYT + KPCĐ ( 30%)                                                        | 22.536.000  |             | -   |

|           |                                                                                 |                    |                    |            |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|------------|
|           | + Chi hoạt động ( Chi hoạt động MT+lễ tết 16tr; Thanh tra ND:5tr, Đại hội 35tr) | 56.000.000         | 53.000.000         |            |
| <b>10</b> | <b>Chi hoạt động Thông tin văn hoá</b>                                          | <b>78.000.000</b>  | <b>80.000.000</b>  | <b>10</b>  |
|           | + Chi hoạt động ở các khu dân cư                                                | 50.000.000         | 50.000.000         | <b>100</b> |
|           | + Chi hoạt động +lễ tết:8tr ,sửa chữa 20                                        | 28.000.000         | 30.000.000         | <b>107</b> |
| <b>11</b> | <b>Sự nghiệp truyền thanh</b>                                                   | <b>48.728.000</b>  | <b>57.885.600</b>  | <b>119</b> |
|           | <b>Trong đó:</b>                                                                |                    |                    |            |
|           | + Phụ cấp cán bộ đài truyền thanh + BHXH, BHYT ( 1 người )                      | 28.728.000         | 37.620.600         | <b>131</b> |
|           | + Chi sửa chữa                                                                  | 20.000.000         | 20.265.000         | <b>101</b> |
| <b>12</b> | <b>Công an</b>                                                                  | <b>506.732.000</b> | <b>454.746.000</b> | <b>90</b>  |
|           | <b>Trong đó:</b>                                                                |                    |                    |            |
|           | + Phụ cấp công an viên, công an thường trực và đội dân phòng + BHXH + BHYT      | 486.732.000        | 443.226.000        | <b>91</b>  |
|           | + Chi hoạt động chuyên môn + lễ tết                                             | 20.000.000         | 11.520.000         | <b>58</b>  |
| <b>13</b> | <b>Quân sự</b>                                                                  | <b>157.784.000</b> | <b>171.397.200</b> | <b>109</b> |
|           | <b>Trong đó:</b>                                                                |                    |                    |            |
|           | + Phụ cấp DQTV + PCH QS ( 18 người                                              | 95.784.000         | 100.087.200        | <b>104</b> |
|           | + Chi hoạt động chuyên môn ( HĐ 60,5tr; lễ tết 1,5tr)                           | 62.000.000         | 71.310.000         | <b>115</b> |
| <b>14</b> | <b>Chi hoạt động Trường Mầm non</b>                                             | <b>10.000.000</b>  | <b>10.000.000</b>  | <b>100</b> |
| <b>25</b> | <b>Chi hoạt động 2 trường Tiểu học+ THCS</b>                                    | <b>20.000.000</b>  | <b>19.200.000</b>  | <b>96</b>  |
| <b>15</b> | <b>Y Tế</b>                                                                     | <b>51.728.000</b>  | <b>41.807.200</b>  | <b>81</b>  |
|           | <b>Trong đó:</b>                                                                |                    |                    |            |
|           | + PC cán bộ DS KHHGD                                                            | 28.728.000         | 37.807.200         | <b>132</b> |
|           | + Chi hoạt động trạm YT                                                         | 4.000.000          | 4.000.000          | <b>100</b> |
|           | + Chi hoạt động DS KHHGD                                                        | 4.000.000          |                    | -          |

|    |                                                   |             |             |     |
|----|---------------------------------------------------|-------------|-------------|-----|
|    | y tế dự phòng                                     | 15.000.000  |             | -   |
| 3  | Chi giao thông                                    | 90.000.000  | 198.355.000 | 220 |
|    | Trong đó:                                         |             |             |     |
|    | Chi sửa chữa                                      | 30.000.000  | 179.105.000 | 597 |
|    | Chi phát quang, giải tỏa                          | 60.000.000  | 19.250.000  | 32  |
| 17 | Đê + cầu cống                                     | 144.800.000 | 507.282.000 | 350 |
|    | Trong đó:                                         |             |             |     |
|    | + Phụ cấp CB thủy lợi + quản lý đê ( 3 người )    | 64.800.000  | 74.520.000  | 115 |
|    | Chi đất dự trữ                                    | 30.000.000  | 25.600.000  | 85  |
|    | Chi phòng chống lụt bão                           | 50.000.000  | 407.162.000 | 814 |
| 18 | Ban NN                                            | 95.560.000  | 107.794.000 | 113 |
|    | Trong đó:                                         |             |             |     |
|    | + Phụ cấp ban nông nghiệp                         | 88.560.000  | 101.844.000 | 115 |
|    | + Chi hoạt động ban NN ( HĐ 6tr; lễ tết 1tr)      | 7.000.000   | 5.950.000   | 85  |
| 19 | Địa chính                                         | 175.000.000 | 16.920.000  | 10  |
|    | Trong đó:                                         |             |             |     |
|    | + Chi hoạt động chuyên môn ( HĐ 13tr, lễ tết 2tr) | 15.000.000  | 8.460.000   | 56  |
|    | + Chi quy hoạch                                   | 160.000.000 | 8.460.000   | 5   |
| 20 | Chi công tác môi trường                           | 104.000.000 | 242.896.000 | 234 |
| 21 | Chi SN TD - TT                                    | 5.000.000   | 4.980.000   | 100 |
| 22 | Các tổ chức xã hội                                | 81.556.000  | 99.714.400  | 122 |
|    | Trong đó:                                         |             |             |     |
|    | Phụ cấp các trưởng tổ chức xã hội (CTD+ NCT)      | 57.456.000  | 75.614.400  | 132 |

|    |                                                                                                 |               |                |     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|-----|
|    | + Chi hoạt động hội NCT                                                                         | 5.000.000     | 5.000.000      | 100 |
|    | + Chi hoạt động hội khuyến học                                                                  | 3.500.000     | 3.500.000      | 100 |
|    | + Chi hoạt động hội cựu giáo chức                                                               | 2.000.000     | 2.000.000      | 100 |
|    | + Chi hoạt động hội CTN XP                                                                      | 4.000.000     | 4.000.000      | 100 |
|    | + Chi hoạt động hội chữ thập đỏ 6,5tr +<br>Hội nạn nhân chất độc da cam 2,5tr +hội<br>SVC 0,6tr | 9.600.000     | 9.600.000      | 100 |
| 23 | Phụ cấp cán bộ hưu xã                                                                           | 173.412.000   | 191.706.000    | 111 |
| 24 | Công tác TBXH và NT                                                                             | 60.000.000    | 95.031.000     | 158 |
|    | + Chi hoạt động                                                                                 | 60.000.000    | 95.031.000     | 158 |
| 25 | Chi hỗ trợ gia đình khó khăn                                                                    | 5.000.000     | -              | -   |
| 26 | Trung tâm HTCĐ chi phụ cấp ( 3<br>người )                                                       | 10.800.000    | 10.620.000     | 98  |
| 27 | Dự phòng NS năm 2023                                                                            | 140.000.000   | -              | -   |
| 28 | Chi khác                                                                                        | 12.000.000    | -              | -   |
| 29 | Chi XDCB                                                                                        | 1.500.000.000 | 4.831.706.000  | 322 |
|    | Tăng thu so với dự toán 2023 để CCTL                                                            | 43.000.000    | 43.000.000     | 100 |
|    | tiền thưởng CBCC                                                                                |               | 88.733.000     |     |
|    | chuyển nguồn năm 2025                                                                           |               | 3.927.986.331  |     |
|    | Tổng cộng                                                                                       | 8.284.000.000 | 16.726.194.880 | 202 |

Số tiền bằng chữ: Mười sáu tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu một trăm chín mươi tư nghìn tám trăm tám mươi đồng chẵn

Ngày 21 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan Hương

TM. UBND xã

Chủ tịch



Vũ Xuân Thiết